

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2018/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 10 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất tại đô thị đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016 về sửa đổi, bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư số 67/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 và Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008;

Thực hiện Thông báo số 55/TB-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

Xét Tờ trình số 54/TTr-SKHĐT ngày 13 tháng 6 năm 2017, Văn bản số 2078/SKHĐT-VX ngày 14 tháng 11 năm 2017 và Văn bản số 2316/SKHĐT-VX ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất tại đô thị đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 01 năm 2018.

Điều 3. Các Giám đốc Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban ngành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất tại đô thị đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kon Tum
(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất tại đô thị đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (*sau đây viết tắt là Nghị định số 69/2008/NĐ-CP*) thực hiện dự án đầu tư trong các lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa

1. Dự án xã hội hóa phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải thuộc danh mục loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn đã được quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định sửa đổi bổ sung.

Điều 3. Chính sách miễn, giảm tiền thuê đất

Cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa tại đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm hoặc thuê đất trả tiền

thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được miễn tiền thuê đất cả thời gian thực hiện dự án trong thời hạn được thuê đất cho tất cả các lĩnh vực xã hội hóa theo quy định tại Điều 1 Quy định này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước

1. Trách nhiệm của các Sở, ngành quản lý Nhà nước theo từng lĩnh vực xã hội hóa:

a) Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hóa tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn thành lập, hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trên cơ sở tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn thành lập, hoạt động do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành; rà soát, đề nghị công bố trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định;

b) Định kỳ hằng năm (*trước ngày 31 tháng 01 năm sau*), lập báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ ngành quản lý theo từng lĩnh vực;

c) Định kỳ hàng năm, năm (05) năm, tiến hành xác định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về nhu cầu, kế hoạch sử dụng đất cho phát triển các cơ sở xã hội hóa.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trên cơ sở hồ sơ đề nghị của các nhà đầu tư có dự án xã hội hóa tại đô thị: Xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hóa triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Định kỳ ba (03) năm một lần, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan rà soát trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa trên địa bàn tỉnh cho phù hợp.

3. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn thủ tục, hồ sơ, trình tự tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo ý kiến của sở, ngành quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực xã hội hóa đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa;

b) Thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc quản lý sử dụng đất đai đúng mục đích, hiệu quả. Phối hợp với các cơ quan quản lý ngành cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã định kỳ tổ chức thanh tra tình hình sử dụng đất tại các cơ sở xã hội hóa; đề xuất xử lý và theo dõi, đôn đốc việc xử lý đối với các trường hợp vi phạm pháp luật

về đất đai để thực hiện tốt Quy định này;

c) Khi thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phải đảm bảo bố trí quỹ đất dành cho lĩnh vực xã hội hóa trên cơ sở báo cáo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực xã hội hóa.

4. Trách nhiệm của Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này; định kỳ hằng năm (*trước ngày 31 tháng 01 năm sau*) tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện xã hội hóa của các cấp, các ngành cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ ngành Trung ương.

5. Trách nhiệm của Cục thuế tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành về xã hội hóa và các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa tại thời điểm dự án hoàn thành đưa vào hoạt động;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và sở quản lý chuyên ngành về từng lĩnh vực xã hội hóa tiến hành giám sát việc thực hiện của các dự án xã hội hóa theo đúng điều kiện và tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp phát hiện cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện việc miễn, giảm tiền thuê đất kịp thời, đúng quy định;

d) Báo cáo, tổng hợp tình hình thực hiện chính sách xã hội hoá theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Trách nhiệm của Sở Xây dựng: Khi thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch chung xây dựng của tỉnh phải đảm bảo bố trí quỹ đất dành cho hoạt động xã hội hóa.

7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Phối hợp với các sở ngành liên quan xác định nhu cầu sử dụng đất các dự án xã hội hóa dự kiến thực hiện trên địa bàn để lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương nhằm đảm bảo đủ quỹ đất cho phát triển các cơ sở xã hội hóa của địa phương;

b) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực xã hội hóa xác định và báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp về nhu cầu sử dụng đất cho phát triển các cơ sở xã hội hóa theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Quy định này;

c) Tuyên truyền, phổ biến các quy định khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp;

d) Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành có liên quan

những vấn đề khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình nhà đầu tư triển khai dự án xã hội hóa trên địa bàn.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn